

TÌM HIỂU TRUYỆN DU LỊCH THIÊN ĐÀNG CỦA NGUYỄN KINH

Triều Nguyên

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

Email: trieunguyen51@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/8/2018; ngày hoàn thành phản biện: 17/9/2018; ngày duyệt đăng: 02/7/2019

TÓM TẮT

Bài viết gồm hai phần, phần giới thiệu Truyện Du lịch Thiên Đàng, và phần nêu lí do vì sao lại xếp tác phẩm này vào thể loại truyện thơ. Ở phần đầu, ngoài văn bản truyện, là việc nêu một số đặc điểm về nội dung và hình thức của nó. Ở phần sau, bên cạnh việc làm chính đã nói, cũng giải thích việc xếp Nguyễn Kinh vào số các tác giả văn hoá dân gian của dân tộc. Nguyễn Kinh là một nhân vật trạng (như Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Thủ Thiệm, Ông Ó,...), luôn chống lại tệ nạn mê tín, cường hào ở nông thôn. Với mẫu truyện thơ có tính chất tự truyện đang đặt ra, lần nữa lại cho thấy rõ hơn con người đầy trách nhiệm và nhân ái của ông.

Từ khoá: Nguyễn Kinh, Truyện Du lịch Thiên Đàng, truyện thơ, truyện trạng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguyễn Kinh (1898-1947) sinh trưởng ở quê mẹ, làng Trường Hà, xã Vinh Phú, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên (quê cha ở làng Bồ Đức, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Ông có tài hùng biện, ứng tác thơ ca, hò vè. Đặc biệt, những mẫu truyện mà ông là nhân vật trung tâm được lưu truyền khá rộng rãi trong cả nước.

Nguyễn Kinh là một người có tầm nhìn xa trông rộng hơn rất nhiều so với những người sống "trong lũy tre làng" đương thời. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp và hi sinh trong lúc bám trụ, bí mật chiến đấu ở huyện Phú Vang.

Truyện Nguyễn Kinh thuộc loại truyện trạng. Bản thân ông được xếp vào nhân vật trạng, như Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Thủ Thiệm, Ông Ó,...

Ông có sáng tác *Truyện Du lịch Thiên Đàng*, gồm 143 dòng thơ, được chép trong *Tổng tập Văn học dân gian xứ Huế - Tập 3: Vè, truyện thơ* (Triều Nguyên (2011), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 530-538). Việc xếp một tác giả của truyện thơ (hay truyện thơ có tác giả) vào dòng văn học dân gian, cũng như việc tìm hiểu tác phẩm *Truyện Du lịch Thiên Đàng* xem giá trị của nó, về nội dung và nghệ thuật ra sao, là một việc làm mới

xuất hiện lần đầu trong học giới (lẽ ra, việc ấy đã được thực hiện từ lâu, đáng tiếc là nay mới làm được).

Hơn ai hết, người viết bài này đã giới thiệu Nguyễn Kinh đầu tiên trong *Giai thoại Nguyễn Kinh* (Triều Nguyên (1990), Sở Văn hoá Thông tin Thừa Thiên Huế xuất bản). Khoảng mười, mười lăm năm sau, phải xin lỗi trên các công trình có nêu tên ông của mình, rằng truyện Nguyễn Kinh không phải là giai thoại mà là truyện trạng. Sự việc không dừng lại ở đó, người viết phải có trách nhiệm với ông qua việc giới thiệu vấn đề ở Tạp chí *Huế Xưa và nay* [Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên Huế] (bài “Tiếng cười Nguyễn Kinh”, số 19, 1997, tr. 72-77), Tạp chí *Nguồn sáng dân gian* (bài cùng tên, số 3, 2004, tr. 44-49). Nhờ vậy, truyện về ông được một số nhà nghiên cứu ghi nhận, như: Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Chí Bền, Kiều Thu Hoạch,...

Theo đó, bài này gồm hai phần, phần giới thiệu *Truyện Du lịch Thiên Đường*, với một số đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản này, và phần nêu lí do vì sao lại xếp nó vào thể loại truyện thơ, cũng như việc đưa Nguyễn Kinh vào số các tác giả văn hoá dân gian của địa phương, dân tộc.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Tìm hiểu văn bản *Truyện Du lịch Thiên Đường*

2.1.1. Văn bản *Truyện Du lịch Thiên Đường*

Người đầu tiên đọc văn bản này cho người viết, vào khoảng 1985-1988, là ông Hồ Viết Tư. Khi tập *Giai thoại Nguyễn Kinh* (sđd.) công bố, nó được chép ở phần phụ lục. Hơn hai mươi năm sau, khoảng 2011-2012, tác phẩm đang đặt ra được xác định là truyện thơ, như sau:

- Xem báo chương đã tường sau trước,
Trên hoàn cầu lấm nước văn minh;
Phi cơ, điện tín tài tình,
Ngồi nghĩ lại, vốn mình còn dốt nát.
- 5 Tính bỏ túi năm ba vạn bạc,
Xách va li du lịch hoàn cầu,
Học văn minh, kĩ nghệ Mĩ, Âu;
Để trả nợ mày râu cho xã hội.
- Việc mới tính, đã lời vợ hỏi:
- 10 “Chàng đi đâu, xin nói thiếp tường?”.
“Việc gia đình em khá chủ trương ¹,
Nay anh quyết xuất dương du học.
Lấy kĩ nghệ, văn minh các nước,
Đem về khai hoá cho đồng bào;
- 15 Đường đường một đấng anh hào,

- Há lẽ xoay quanh nơi ông Táo?"
- "Chàng thật quả hiểu chưa thấu đáo,
Bậc hiền tài mấy kẻ xuất dương;
Mắc dây áp chế quyền cường,
20 Ai mở mối, mà dĩ đào vi thượng²?
Khuyên chàng chớ đem lòng tưởng tượng,
Tội xuất dương lụy đến thê noa³".
Nghe phản đối, lòng đà giác ngộ⁴,
Ngẫm phận mình đồ sộ đáng tu mi,
25 Quẩn quanh trong cõi ba kì,
Để thân nô lệ làm ri mãi hoài?
- *
- Đi gần chẳng đáng thì phải đi xa,
Nay ta quyết lên trời du ngoạn!
Mở tủ sắt lấy năm mươi vạn,
30 Bỏ va li xách tới la ga⁵.
Xe Sài Gòn, Hà Nội vào ra,
Hỏi thầy sếp: "Hạng ba giá mấy?".
Sếp ga bảo: "Anh đi đâu đấy?
Mua đúp lê, lấy giấy toa giem⁶?
35 Đi Sài Gòn, Hà Nội, Cao Miên,...
Anh muốn tới ga nào, nói thiệt?".
"Mấy thì mấy, hạ cao không thiệt⁷,
Thầy bán cho cái vé Thiên Đàng;
Dù trăm, dù vạn, dù ngàn,
40 Thầy cứ bán, chẳng cần cao hạ".
"Vé Thiên Đàng? Đường lạ chưa thông.
Dẫu anh có mấy vạn đồng,
Cũng không mua được vé Thiên Đàng, Địa Ngục!
Anh đi có việc chi cấp tốc⁸,
45 Vào nhà chung, xin phép hỏi cha.
Vé Thiên Đàng: giem cách, giem toa⁹,
Xa vô lộ¹⁰ lên Thiên Đàng có sẵn".
Nghe rắc rối, lòng hơi chán nản,
Có lẽ đâu bán lộ đâu hồi¹¹?
50 Thôi thì thôi, thế thì thôi,
Nay ta quyết ra công đi bộ.
Ngồi nghĩ lại thiên quan vạn lộ,
Đường chưa đi chẳng biết ngái ngân¹².
Ở nhà ta có bác Táo quân,
55 Tâu thiện ác lên về lặt lặt¹³!
Đi bữa hai mươi ba tháng chạp,
Qua tháng giêng, mừng một đã về.

- Ngựa bàn tay xuất chỉ chuyên kê¹⁴,
Tính chẳng mấy, bảy tám ngày trở lại.
60 Liền đứng dậy, chân đi khăng khái,
Bước anh hùng nào ngại chông gai.
Tang bồng là nợ làm trai,
Đã đi du lịch, cần ai biết mình...
- *
- Lên vừa đến thiên đình thượng giới,
65 Vào ải quan trình giấy các đảng¹⁵.
Các quan chủ ải hỏi rằng:
“Dị nhân, dị diện, các đảng trình tường,
Hà danh tính, hà châu quận, hà huyện hương?
Niên canh hà kỉ? Khai tường cho đi!”.
70 “Bẩm quan lớn: Dân thì lương thiện,
Làng Trường Hà, thuộc huyện Phú Vang;
Tình nghi là khoản vô can,
Tên Kinh, họ Nguyễn, Việt Nam, Trung kì;
Niên canh giáp tuất năm ni,
75 Ba mươi sáu tuổi, trình vì thừa khai”¹⁶.
Khai rồi, ta lại phản hài,
Lăm xăm bước đến kim giai¹⁷ yết Trời.
Trời bỗng phán một lời: “Miễn lễ!
Tâu dưới trần sự thể làm sao?”.
80 Tâu rằng: “Tựa bóng chiêm bao,
Công hầu xe ngựa, xôn xao trong vòng;
Tranh nhau chỉ vị hơi đồng,
Cướp nhau vì miếng đỉnh chung của đời”.
Trời lại hỏi một lời đặc biệt:
85 “Ép phong trào, ai gây việc chiến tranh?”.
Thưa rằng, thống chế Pê Tanh,
Vốn tên tác loạn, giả danh hoà bình”.
Trời lại hỏi: “Tình hình nước Việt,
Hiện thế nào, tâu thiệt trẫm hay?”.
90 “Vài mươi đồng có một thước tây,
Gạo mười giắc sáu lon lút trật¹⁸!
Xin Thượng đế mở lòng nhân đức,
Cho mùa màng, ngũ cốc phong đăng;
Cho dâu nhiều lá tằm ăn,
95 Cho gòn nhiều trái, để hòng lấy bông!
Trước sân rồng tỏ bày nguyện vọng,
Vạn lạy Trời thương chúng lê dân;
Lê dân nay ở dưới trần,
Đói cơm rách áo, liều thân kêu nài.

- 100 Kêu Ông, bị đá đít, bóp tai,
Kêu Cha, phải đổ đèn đài, lư hương¹⁹!
Nỗi dân chúng trăm đường khổ, thiệt,
Xin lòng Trời can thiệp cho dân!";
Trời phách án²⁰, mặt phùng thịnh nộ:
- 105 "Nông nổi này, thật khổ cho dân,
Trăm chuẩn tấu! Ngươi ở dưới trần lên đó,
Khoa hạng triều đình, ngươi muốn có chức chi?
Công danh nay đã hợp thì,
Trẫm cho phẩm tước vinh quy về trần".
- 110 "Tâu Thượng Đế, con không cần phẩm tước,
Miễn đồng bào con được ấm no;
Lãnh tước về mà cắt họng heo bò,
Sát sanh tội ấy buộc cho lấy mình".
Bách quan văn võ thiên đình,
- 115 Khen rằng: "Dương thế như Kinh ít người!".
Chuông đồng hồ điểm mười giờ đúng,
Trống bãi triều thùng thụng bên tai.
Tạ đèn rồng, ta lại phản hài,
Ra vừa gặp một ông lão thọ.
- 120 Phút sơ ngộ chưa tường kia nọ,
Hỏi ra rằng Lí Bạch thi tiên.
Ông chào: "Công tử Thừa Thiên,
Cậu đi du lịch lên miền thiên giai!
Tất viễn thiên lí như lai²¹,
- 125 Ở đây xưng hoạ vài bài thi chơi".
"Lòng còn mẫn thế ưu thời²²,
Hoạ vắn xin hãy chịu ngài hôm nay!".
Vội vàng liền bắt lấy tay,
Ô voa xù Bạch²³, thẳng ngay xuống trần.
- *
- 130 Vợ thấy về, miệng chào bức thoảng,
Lộn lạo Tây Tàu: "Ba hửn! Tía mi!...";
Các con đón rước va li:
"Tuồng cha ở lại với dì Hằng Nga!".
"Chàng đi du lịch cao xa,
- 135 Duyệt trương hữu lợi, quốc gia thân hồ.
Bao giờ long mã phù đồ,
Ý Trời thiên hạ ô hồ định chi²⁴?
Nhân dân khiếm thực, khiếm y²⁵,
Gạo thua, vải mắc, Trời thì biết không?".
- 140 "Em ơi, ta gắng lấy công,
Anh cày lấy ruộng, em trồng lấy dâu.

Mong sao khắp cả năm châu,
No com ăm áo, công hầu mà chi!"⁽¹⁾

2.1.2. Một số vấn đề về nội dung, hình thức của *Truyện Du lịch Thiên Đàng*

2.1.2.1. Về nội dung

Truyện thơ này ra đời khoảng thập niên 30 của thế kỉ XX. Nếu dựa theo chi tiết khai trình tuổi tác trong truyện (có khả năng là thật), thì tác phẩm được sáng tác vào năm 1934.

+ Đề tài, chủ đề: kể chuyện trần thế khốn cùng, đang chịu cảnh “đói cơm rách áo” cho Thượng Đế biết, để cầu xin Ngài phù hộ.

+ Bố cục của *Truyện Du lịch Thiên Đàng*, gồm 143 dòng thơ, được chia làm 4 phần:

I/ Từ dòng 1 đến dòng 26: Nguyễn Kinh muốn sang Âu, Mỹ học kĩ nghệ văn minh để về khai hoá cho đồng bào, nhưng vợ chàng can ngăn. Bởi, theo lời bà, chế độ thực dân cấm không cho ra nước ngoài, ai trốn đi, gia đình sẽ bị liên lụy.

II/ Từ dòng 27 đến dòng 63: Không sang Âu, Mỹ được, chàng quyết định đi xa hơn: lên Thiên Đàng! Nhưng đường lên Trời thì tàu hoả (phương tiện giao thông hiện

⁽¹⁾ Chú những chỗ có đánh số trong truyện (các chỗ có từ ngữ châu Âu, là tiếng Pháp): ¹ *Chủ trương*: nghĩa như lo liệu, tính toán. ² *Dĩ đào vi thượng*: lấy chuyện bỏ chạy làm thượng sách. ³ *Thê noa*: vợ con. ⁴ *Giác ngộ*: hiểu ra vấn đề; sáng sự lẽ. ⁵ *La ga*: La gare (nhà ga; ở đây, chỉ ga xe lửa). ⁶ Người trưởng ga hỏi: anh đi đâu mà mua vé đúp lê (duplex) hạng ba (troisième)? ⁷ *Không thiết*: không cần thiết; không thành vấn đề. ⁸ *Cấp tốc*: cần kíp; nhanh chóng. ⁹ Đọc ngược của quatrième (hạng tư) và troisième (hạng ba). ¹⁰ *Xa vô lộ*: loại xe không cần đường (có thể hiểu là kiểu xe thần kì, xe bay). ¹¹ *Bán lộ đầu hồi*: đi nửa đường rồi quay trở lại. ¹² *Ngái*: xa; *ngân*: gần. ¹³ *Lên về lặp lặp*: đi lên đi về liên tục, nhanh chóng. ¹⁴ Ý nói, tính đếm bằng các ngón tay. ¹⁵ *Các đăng*: carte d'identité (thẻ căn cước, chứng minh nhân dân). ¹⁶ Sách *Giai thoại Nguyễn Kinh* ghi “Niên canh mậu tuất năm ni, Bốn mươi sáu tuổi trình vì thừa khai”. Có hai năm *Mậu* có thể viện ra là *Mậu Thìn* (1928), ông Nguyễn Kinh 30 tuổi, và *Mậu Dần* (1938), ông 40 tuổi. Chúng không phù hợp (về độ tuổi của nhân vật và sự kiện lịch sử đương thời được nói đến). Có hai năm *Tuất* được xem xét, là *Giáp Tuất* (1934), ông Kinh 36 tuổi, và *Bính Tuất* (1946), ông 48 tuổi. Năm *Bính Tuất* không phù hợp, vì bấy giờ đất nước đã độc lập, và Nguyễn Kinh là một cán bộ tích cực ở địa phương. Vậy chỉ có năm *Giáp Tuất* là hợp lẽ. Người viết hiệu chỉnh lại: thay vì *Mậu Tuất* là *Giáp Tuất*, thay vì *bốn mươi sáu* là *ba mươi sáu* (do phần khai báo này có tính chất tự truyện, nên mới làm vậy; còn với truyện thơ nói chung, đây là việc làm không cần thiết). ¹⁷ *Kim giai*: thêm vàng. ¹⁸ *Diễn xuôi cả dòng*: một đồng chỉ được sáu lon (bơ) gạo, loại già không sạch! ¹⁹ *Ông*: chỉ bọn thực dân, quan lại; *cha*: chỉ cha cố đạo Co đốc. ²⁰ *Phách án*: vở bản (giận giữ). ²¹ *Nghĩa*: phải từ nghìn dặm xa đến (nơi đây). ²² *Mẫn thế ưu thời*: lo nghĩ, xót thương chuyện thời thế, dân tình. ²³ *Ô voa xừ Bạch*: O voa: au revoir (tạm biệt), *xừ Bạch*: monsieur Lí Bạch. ²⁴ *Hiếu* là: Chàng lên Trời có làm được điều gì hữu ích cho nước nhà không? Bao giờ thì vận hội tốt lành sẽ đến? Thiên hạ đang nhốn nháo, ý Trời ra sao? ²⁵ *Kiểm thực, kiểm y*: thiếu ăn, thiếu mặc.

đại nhất bấy giờ, thường được người bình dân sử dụng) chưa thông; chàng quyết đi theo lối của Táo quân.

III/ Từ dòng 64 đến dòng 129: Chàng lên đến Thiên Đình, yết kiến Trời, tâu trình chuyện dân tình khốn đốn, mong Trời cho được mùa. Trời chuẩn tấu, ban chức tước nhưng chàng không nhận. Nguyễn Kinh gặp nhà thơ Lí Bạch. Lí Bạch mời chàng cùng xướng hoạ. Chàng đang lo buồn việc dân việc nước, không có hứng thú, nên từ chối.

IV/ Từ dòng 130 đến dòng 143: Nguyễn Kinh trở về, vợ con hết sức vui mừng. Chàng động viên vợ cùng mình chăm lo việc đồng áng, tầm tang để sinh sống, không thiết chuyện công hầu.

+ Tóm lược nội dung: Trước chuyện người dân bị đói kém, cảnh “gạo thua, vải mắc” khó sống, Nguyễn Kinh muốn tìm ra nước ngoài học lấy kỹ nghệ văn minh để khai hoá cho đồng bào mình, nhưng bị vợ ngăn cản, rằng việc xuất dương là có tội. Ông bút rút: “Đường đường một đấng anh hào/ Há lẽ xoay quanh nơi ông Táo?”, rồi quyết lên Trời, theo cách của Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân⁽¹⁾.

Lên đến Thiên Đình, gặp được Trời, Nguyễn Kinh vội vàng tâu bày để Ngài biết mọi chuyện nơi trần thế (chủ yếu là ở quê hương ông). Sau khi chuẩn tấu lời cầu xin của Nguyễn Kinh về việc cho mùa màng được bội thu, cho việc nuôi tằm dệt vải được thuận lợi, để dân khỏi đói rách, Thượng Đế đã ban phẩm tước, nhưng ông không nhận. Được gặp Lí Bạch, thi tiên này đã mời ông ở lại xướng hoạ thơ ca, ông cũng từ chối, lí do: “Lòng còn mẩn thế ưu thời/ Hoạ vãn xin hãy chịu ngài hôm nay!”. Điều này cho thấy, Nguyễn Kinh đồng cảm trong việc vật lộn với nỗi “khiếm thực khiếm y” của mọi người, trăn trở trước sự khốn đốn của xã hội. Về đến nhà, vợ mừng rỡ, hỏi han, ông động viên bà: “Em ơi, ta gắng lấy công/ Anh cày lấy ruộng, em trồng lấy dâu/ Mong sao khắp cả năm châu/ No cơm ấm áo, công hầu mà chi!”. Quả như lời của bách quan ở Thiên Đình: “Dương thế như Kinh ít người!”.

2.1.2.2. Về hình thức

+ *Thể thơ*: vừa theo hình thức chia khổ, mỗi khổ bốn dòng, vần chân (một lối thường gặp trong Thơ Mới), vừa theo lục bát và song thất lục bát. Chúng xen lẫn vào nhau, đến khó nhận diện. Có thể phân tích như sau:

- Hai mươi dòng đầu, chia năm đoạn, mỗi đoạn bốn dòng thơ, kiểu Thơ Mới, như “Tính bỏ túi năm ba vạn *bạc*/ Xách va li du lịch hoàn *cầu*/ Học văn minh, kỹ nghệ Mĩ, *Âu*/ Để trả nợ mày *râu* cho xã *hội*” (đoạn 2, dòng 5-8). Các chữ (tiếng) in nghiêng, trừ “râu”, đều vần chân, “cầu” và “Âu” vần liền trong nội bộ đoạn, “bạc” vần với

⁽¹⁾ Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân: danh hiệu, tên chữ của ông Táo (ông Núc).

“nát”, tiếng cuối của dòng cuối đoạn trên, “hội” vần với “hỏi” tiếng cuối của dòng đầu đoạn dưới. ⁽¹⁾

- Các nhóm bốn dòng tương tự lối Thơ Mới khác: 27-30, 31-34, 35-38; 102-195, 120-123,...

- Các nhóm có vần theo dạng một khổ song thất lục bát, như “Bầm quan lớn, dân thì lương thiện/ Làng Trường Hà, thuộc huyện Phú Vang/ Tình nghi là khoản vô can/ Tên Kinh, họ Nguyễn, Việt Nam, Trung Kỳ” (dòng 70-73). Các tiếng mang vần: “thì” vần với “đi”, tiếng cuối của dòng, khổ thơ liền trước; “thiện” - “huyện”, “can” - “Nam”, là hai cặp vần nội bộ của một khổ thơ song thất lục bát; “Kỳ” vần với “ni”, tiếng cuối của dòng ở khổ thơ liền sau.

- Các nhóm bốn dòng có vần tương tự với khổ thơ song thất lục bát khác: 23-26, 63-66, 78-81, 84-87, 92-95, 96-99, 106-109, 110-113,...

- Các cặp lục bát rời (không thuộc khổ song thất lục bát đã nêu): 62-63, 68-69, 100-101,...; và những kết hợp từ hai cặp lục bát trở lên: 74-77; 80-83; 122-129; 136-143.

- Bên cạnh đó, cũng có những dòng thơ hỗn hợp các thể đã trình bày. Chẳng hạn, dòng 39-47: “Dù trăm, dù vạn, dù ngàn/ Thầy cứ bán, chẳng cần cao hạ/ Vé Thiên Đường? Đường lạ chưa thông/ Dầu anh có mấy vạn đồng/ Cũng không được vé Thiên Đường, Địa Ngục/ Anh có việc chi cấp tốc/ Vào nhà chung, xin phép hỏi Cha/ Vé Thiên Đường, giem cách, giem toa/ Xa vô lộ lên Thiên Đường có sẵn”.

+ *Việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh*: là sự kết hợp giữa thuần Việt, Hán Việt, Pháp Việt mang màu sắc địa phương của vùng nông thôn Thừa Thiên, thời kì đầu thế kỉ XX.

- Thuần Việt: chỉ nêu một số, dạng tổ hợp từ. Như “năm ba vạn bạc” (một “vạn” bằng mười nghìn), lời này hiện ít dùng, nó đồng nghĩa với “dăm ba chục nghìn đồng” - theo lối dùng tiền lớn ngày nay, thì để tương ứng, phải dăm ba chục triệu, hay dăm ba trăm triệu. Như “Nợ mày râu” tức nợ tu mi, món nợ mà kẻ làm trai phải trả (Nguyễn Công Trứ thường nhắc đến món nợ này, dưới các dạng: a/ “Nợ cầm thư”, nợ sách đàn, nợ việc đi học, “Cái nợ cầm thư phải trả xong” (bài “Đi thi tự vịnh”); b/ “Nợ tang bông”, “tang bông” lấy từ “tang bông hồ thi”, nghĩa là cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bông, dựa vào một tập quán cổ ở Trung Hoa xưa, khi đẻ con trai thì dùng loại cung tên vừa nói bắn lên trời xuống đất và bốn phương, tỏ ý, con sẽ đi khắp nơi để lập công danh (là nhan đề một bài hát nói; hoặc từ câu “Nợ tang bông trang trắng vỗ tay reo”, bài “Chí khí anh hùng”); c/ “Nợ công danh”: nhan đề một bài hát nói; d/ “Nợ trần hoàn”: trong câu “nợ trần hoàn quyết trả lúc này xong”, bài “Nợ công danh”;...). Như “làm ri mãi hoài” (“ri”: thế này), hiểu là “cứ thế này mãi (không thay đổi gì được nữa)!” , nghe như một lời than. Như “chẳng cần cao hạ” là không quan tâm đến chuyện

⁽¹⁾ Riêng đoạn 1 (dòng 1-4), có vần tương tự với song thất lục bát, nhưng tiếng cuối của dòng 4 lại theo thanh trắc (thay vì bằng).

giá cả cao hay thấp (nhiều hay ít, đắt hay rẻ,...). Như “việc chi cấp tốc” (“cấp tốc”: gấp gáp; cần kíp phải đến nơi đã nói trước ấy, thật nhanh), hiểu là có việc gì cần gấp lắm, buộc phải đến nơi đã nói ấy. Như “lên về lộp lộp”: đi lên (theo hướng từ dưới lên), đi về (theo hướng từ trên xuống) - trên, dưới có thể hiểu là chỗ cao, chỗ thấp, địa danh lớn, địa danh bé, nơi có người bậc trên, nơi có người bậc dưới ở - một cách đều đặn, nhanh chóng...

- Hán Việt: chỉ nêu một số, dạng từ và tổ hợp từ. Dạng từ, như: hoàn cầu, phi cơ, khai hoá, thê noa, tang bồng, lương thiện,... Dạng tổ hợp từ, như: “thiên quan vạn lộ” (có ngàn vạn đường sá để đi; hoặc có ngàn ông quan thì cũng có cả vạn con đường để tìm đến với họ,...); “mẫn thế ưu thời” (thương và lo cho/việc đời); “ngũ cốc phong đăng”: ngũ cốc được mùa (“ngũ cốc”: năm thứ hạt để ăn: “đạo” - nếp hương; “lương” - lúa gạo; “thúc” - một thứ hạt để ăn; “mạch” - lúa mì; “tắc” - kê)⁽¹⁾; “tất viễn thiên lí như lai” (xa đến hơn nghìn dặm tới đây); “long mã phù đồ” (ý nói: Tổ quốc, non sông được hanh thông, phát triển; “long mã” con ngựa cao trên 8 thước, hoặc con rồng hình giống ngựa);...

- Pháp Việt: la ga (la gare), đúp lê (duplex), toa giem (troisième), các đăng (carte d'identité: chứng minh thư), ô voa (au revoir: tạm biệt, chào tạm biệt),...

Màu sắc địa phương của vùng nông thôn Thừa Thiên đầu thế kỉ XX, ngoài các từ ngữ trên, có thể tìm thấy qua một số kết hợp khác: a/ “Mắc dây áp chế quyền cường/ Ai mở mối (múi) mà dĩ đào vi thượng?” (mối/múi là mối dây áp chế; mối dây ấy do thực dân thắt, nếu không ai mở, thì không thể xuất ngoại được. Điều cho thấy, niềm khao khát của nhân dân về một vị lãnh tụ có thể “mở mối” cho mọi người); b/ “Kêu Ông bị đá đít, bóp tai/ Kêu Cha phải đồ đèn đài, lư hương” (hai đối tượng có quyền lực nơi trần thế, Ông và Cha, cả thế quyền lẫn thần quyền, dân đều không kêu cầu được, đành phải “liều thân” kêu với Trời cao); c/ “Nhân dân khiếm thực, khiếm y/ Gạo thua vài mắc, Trời thì biết không?” (viết lại theo ngôn ngữ phổ thông là: “người dân thiếu ăn thiếu mặc do gạo thua vài mắc, Trời có biết không?” Rõ là Trời không hay biết việc này, nếu không được Nguyễn Kinh tấu trình; tức việc ông tìm gặp Trời để trình bày sự việc là hợp lẽ, đúng đắn);...

+ *Không gian, thời gian nghệ thuật*: Bối cảnh ngột ngạt của xã hội nửa phong kiến ở Trung Kỳ, vào thập niên 1930, tuy có vua quan, có tôn giáo, với tư cách đại diện, nhưng dân không “nhờ” được, thậm chí, hai bên vừa nêu còn nương dựa, cấu kết lẫn nhau để gây hại dân lành.

Giả sử, *Truyện Du lịch Thiên Đường* ra đời vào năm 1934, thì nó như một tiếng kêu, một lời tố cáo về chế độ thực dân, phong kiến đối với Mặt trận Bình dân Pháp, ra

⁽¹⁾ Đào Duy Anh (1994), *Hán Việt từ điển*, Nxb. TP Hồ Chí Minh, tập hạ, tr. 40.

đòi sau đó ⁽¹⁾. Nhân vật quan Pháp bị nó lên án “Vốn tên tác loạn, giả danh hoà bình”, là Thống chế Pê Tanh ⁽²⁾, lúc này, lĩnh chức Bộ trưởng chiến tranh của Pháp.

Đây cũng là thời điểm dân trí còn mù mờ, với nhiều lí do, trong đó, có việc bị các thế lực nắm giữ hoạt động mê tín tung hoành, là điều có thể biết được. Như niềm tin vào Trời Đất, quỷ thần; tin việc mở các mối thất số phận phải từ một bậc xuất chúng (mà không cho bản thân, với tư cách một con người, một công dân, có thể tháo gỡ được).

Chuyện lên Trời theo cách của Táo quân, cho thấy Nguyễn Kinh đã vận dụng việc thờ ông Táo ở mọi nhà, để thể hiện yếu tố thần kì của tác phẩm truyện thơ. Do điều thần kì dựa vào phong tục, tín ngưỡng dân gian, nên dễ được chấp nhận, dù nó là ảo tưởng.

2.2. Lí do xếp *Truyện Du lịch Thiên Đàng* vào thể loại truyện thơ dân gian, và việc đưa Nguyễn Kinh vào số các tác giả văn hoá dân gian

2.2.1. Lí do của việc xếp *Truyện Du lịch Thiên Đàng* vào thể loại truyện thơ dân gian

Theo cách hiểu của người viết, truyện thơ dân gian Việt Nam là “một thể loại của văn học dân gian, gồm những tác phẩm tự sự dài bằng văn vần, phần lớn khuyết tên tác giả, được lưu truyền, gìn giữ bằng kí ức hoặc chữ viết của các dân tộc, qua thể thơ truyền thống của dân tộc ấy, có nhân vật là cá thể người hay vật thuộc đời sống hiện thực, có thể bị đẩy lùi vào quá khứ, nhằm phản ánh những vấn đề được xã hội quan tâm, theo cách mà văn học chuyên tải” ⁽³⁾. Tác phẩm *Truyện Du lịch Thiên Đàng* đã đáp ứng các yếu tố/yêu cầu được nêu trong định nghĩa này.

Có hai yếu tố mà *Truyện Du lịch Thiên Đàng* nằm ở thiếu số, là: a) Nếu đa số truyện thơ dân gian Việt Nam thuộc vào “khuyết tên tác giả”, thì nó lại có tên (là Nguyễn Kinh); b) Nếu phần lớn truyện thơ dân gian Việt Nam, nhất là số về tình yêu

⁽¹⁾ *Mặt trận Bình dân Pháp* (tiếng Pháp: Front populaire) là một liên minh chính trị của các lực lượng cánh tả ở Pháp, bao gồm Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản, Chi hội Pháp của Công nhân Lao động Quốc tế (SFIO) và các chính đảng, tổ chức chính trị khác, trong thời kì 1935-1938 (Nguồn: [https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_B%C3%ACnh_d%C3%A2n_\(Ph%C3%A1p\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_B%C3%ACnh_d%C3%A2n_(Ph%C3%A1p)), ngày truy cập 01-7-2018).

⁽²⁾ *Pê Tanh*: Henri Philippe Benoni Omer Joseph Pétain (1856-1951) thường được biết đến với tên Philippe Pétain, là Thống chế quân đội Pháp. Năm 1931, ông rời quân đội để tham gia chính trường. Năm 1934, ông trở thành bộ trưởng chiến tranh của Pháp. Năm 1940, Pétain nhậm chức Thủ tướng Pháp và ký hòa ước với Đức quốc xã, theo đó Đức quốc xã kiểm soát 3/5 nước Pháp. Từ năm 1940 đến năm 1942, Pétain đứng đầu chính phủ Pháp đóng tại thành phố Vichy. Sau khi Đồng Minh tiến vào giải phóng nước Pháp khỏi Đức quốc Xã, Pétain bị quân Đồng Minh bắt và bị kết tội phản quốc vì đã có hợp tác với Đức quốc xã. Ông bị kết án tử hình nhưng sau đó được đổi lại thành án chung thân.

⁽³⁾ Định nghĩa này của người viết, ở chuyên luận thứ mười một về các thể loại văn học dân gian *Tìm hiểu về truyện thơ dân gian Việt Nam*, dự định sẽ công bố vào năm 2019.

và hôn nhân, có đời sống hiện thực “bị đẩy lùi vào quá khứ”, thì nó lại ngồn ngộn chất hiện thực xã hội.

Hai điều ấy có thể phân tích:

- Về lập luận, nằm ở thiếu số chứ không phải ngoài cuộc (định nghĩa trên đã dùng các tổ hợp “phần lớn”, “hầu hết”, tức có chứa ra một số nhất định liên quan; như nói “phần lớn khuyết tên tác giả”, thì cũng có một số truyện thơ không phải như vậy,...).

- Về thực tiễn, có không ít tác giả mà sáng tác của họ sẽ phát huy tác dụng khi thuộc hàng ngũ dân gian; và có nhóm truyện thơ lịch sử đầy ắp hiện thực bao chứa sự việc đang bàn (hiện thực ấy không bị đẩy lùi vào quá khứ hay đẩy tới thời hiện tại).

Theo đó, *Truyện Du lịch Thiên Đường* có đủ điều kiện của một truyện thơ dân gian.

2.2.2. Lí do của việc đưa Nguyễn Kinh vào số các tác giả văn hoá dân gian

Trước các mẫu truyện xoay quanh nhân vật Nguyễn Kinh, hay do ông sáng tạo ra, người viết đã xếp chúng vào truyện trạng; bấy giờ, Nguyễn Kinh trở thành một ông trạng (hoặc nguyên mẫu của loại nhân vật này), đã nêu. Mỗi khi đã trở thành nhân vật của một thể loại văn học dân gian, thì khó thể xếp tác giả (là nhân vật ấy) thuộc văn học viết.

Có thể cho điều vừa nêu thuộc lập luận không? Câu trả lời là “Không”. Bởi một sáng tác dân gian nói chung, thoạt đầu đều có tên tác giả, nhưng trong quá trình lưu truyền, dân gian đã chỉnh sửa cho phù hợp với đối tượng hướng đến của họ. Do mục đích thay đổi, nội dung, hình thức của văn bản cũng thay đổi theo để tương ứng; sự thay hình đổi dạng này, đến một mức độ nào đó, tên tác giả bị bỏ quên (hoặc có thừa nhận cũng không dễ), khiến phần lớn bị khuyết danh. Điều vừa nêu dễ nhận ra với số tác phẩm xa xưa. Với các tác phẩm gần ở thời hiện đại hoặc cận hiện đại cũng không khác, nhưng do được cố định bằng văn bản sớm, người sưu tầm lại không quên truy tìm tác giả liên quan, nên vấn đề có thể diễn ra chậm hơn.

Trong việc sưu tầm văn học dân gian gần đây, đã có không ít các tác giả được dân gian chú ý. Với thể vè, như Tạ Hiện (Thái Bình), bà Ba Cai Vàng (Bắc Ninh), chàng Lía (Bình Định),...; với giai thoại hò hát, như cô Nhẫn (Nghệ An), o Ân (Quảng Bình), anh Long (Thừa Thiên), ông Trần Hàn (Quảng Nam),... Một số họ đã trở thành tác giả dân gian.

Như vậy, việc ghi nhận Nguyễn Kinh, cũng như việc xếp tác giả này vào lĩnh vực dân gian, cũng không phải là không có tiền lệ từ thực tiễn ⁽¹⁾.

3. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

Truyện Du lịch thiên đường có tính chất của một tự truyện. Qua đó, có thể thấy con người Nguyễn Kinh, một người bình dân nghèo, một đối tượng “ưu thời mẫn thế”, không màng danh lợi riêng tư, mà “Mong sao khắp cả năm châu/ No cơm ấm áo, công hầu mà chi!”, thì thật cao cả, hiếm có. Từ tư tưởng tiến bộ, như việc xuất ngoại, đem kiến thức học được ở các nước văn minh về “khai hoá” cho đồng bào mình (có thể tác giả chịu ảnh hưởng từ các phong trào cách mạng vào đầu thế kỉ XX), đến quan niệm yêu thương hầu khắp mọi người trên thế gian của một con người khó khăn, thiếu thốn mọi bề, khiến truyện thơ đang bàn đầy ắp chất nhân văn.

Với mảng truyện trạng, trong lúc không ngừng chống tẻ mê tín dị đoan, thứ ung nhọt cần cắt bỏ của nhân dân, Nguyễn Kinh đã hết lòng hết sức bảo vệ người lương thiện. Có thể nói, ông là người lương thiện nhất trong số những người lương thiện. Với truyện thơ này, lần nữa tác giả cho mọi người thấy rõ hơn con người đầy trách nhiệm và nhân ái của ông.

Cùng với việc xếp các mẫu truyện quanh ông là truyện trạng đã làm, việc đưa *Truyện Du lịch thiên đường*, một tác phẩm tương đối dài hơi của ông vào lĩnh vực truyện thơ, với giới thuyết bước đầu như đã trình bày, tuy còn phải đợi sự thống nhất của các nhà nghiên cứu liên quan, nhưng như đã trình bày, không thể nói là không có sự hợp lý nhất định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên (1972), *Văn học dân gian*, tập 1, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Kiều Thu Hoạch (1996), *Truyện Nôm bình dân của người Việt - lịch sử hình thành và bản chất thể loại*, luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Phong Nam (2008), *Truyện thơ Nôm - Những nghiên cứu hình thái học*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [4]. Nguyễn Xuân Kính (2014), “Truyện thơ các dân tộc thiểu số”, <https://nghiencuulichsu.com/2014/09/29/truyen-tho-cac-dan-toc-thieu-so/> truy cập ngày 23/3/2017.
- [5]. Vũ Anh Tuấn (2004), *Truyện thơ Tày: Nguồn gốc, quá trình phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

⁽¹⁾ Có thể có một phản bác ở đây, rằng sao không cứ vào văn bản mà dựa vào lập luận (cái thực tiễn được nêu, thật ra, là một bằng chứng của lập luận)? Việc bắt bẻ này là đúng. Có điều, do dung lượng bài viết có hạn, mà vấn đề không thể chỉ nêu trong vài lời; mặt khác, việc trưng tác phẩm liên quan từ đầu cũng là một cách mà người thực hiện muốn làm.

LEARNING ABOUT *HEAVEN TOURISM STORY* BY NGUYEN KINH

Trieu Nguyen

Association of Vietnamese Folklorists

Email: trieunguyen51@gmail.com

ABSTRACT

This article includes two parts: one part introduces the *Heaven Tourism Story*, and the other shows the reason of arranging this story in “story in the poetry” category. Besides the text of story, the first part mentions some characteristics of its content and form. Besides doing the major thing that mentioned above, in the next section, the writer also explains the arranging Nguyen Kinh in the number of folk cultural authors. Nguyen Kinh is a poor commoner but has a keen mind and clear conscience. Through the “Trạng story”, he always fights against superstitious evils and people who have power in the rural. With an autobiographical poem-story, it shows more clearly his responsible and humane character.

Keywords: Nguyen Kinh, story in the poetry, Trạng story, *Heaven Tourism Story*.



Triều Nguyên (tên thật là Lư Viên) sinh năm 1951 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp chuyên ngành Văn học tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế vào năm 1992 và nhận học vị Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận ngôn ngữ tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế vào năm 1997. Ông là giáo viên đã nghỉ hưu và hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

